TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **04**/2019/HNGĐ–ST
Ngày: 12-02-2019.
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thành Dương

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tất Đạt

Ông Kiều Minh Sinh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Bùi Thị Liên - Cán bộ Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phùng Đức Nam - *Kiểm sát viên.*

Ngày 12 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 22/2018/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 4 năm 2018 về việc: "*Ly hôn*" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lê Thị Bích T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

-*Bị đơn*: Anh Huynh T, sinh năm 1993.

Địa chỉ: 4004 – 161 – st A, B, W - USA.

(*Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

***- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai , nguyên đơn chị Lê Thị Bích T trình bày*:**

Chị và anh Huynh T quen biết nhau qua sự mai mối và kết hôn vào ngày 14/07/2017 được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn.

Ngay sau khi kết hôn, anh Huynh T trở về Mỹ sinh sống, còng chị T ở lại Việt Nam sinh sống với ba mẹ tại số nhà 30 đường 55, ấp T, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Trong thời gian xa cách, chị và anh Huynh T vẫn còn liên lạc với nhau qua điện thoại và thư điện tử và nhận thấy việc kết hôn của hai anh chị quá vội vàng, chưa có tình cảm thật sự yêu thương nhau nên tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Tuy nhiên anh Huynh T không chịu ly hôn chị T và cũng không về Việt Nam để làm thủ tục ly hôn. Anh Huynh T chỉ đồng ý ly hôn khi được Tòa án Việt Nam có văn bản yêu cầu.

Gia đình hai bên của hai anh chị đều đồng ý việc ly hôn này. Chị T mong muốn việc ly hôn càng sớm càng tốt để giúp cả hai được tự do để xây hạnh phúc riêng mình.

Về con chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Anh Huynh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng hình thức ủy thác tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ thực hiện thành công nhưng anh Huynh T không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn chị Lê Thị Bích T có đơn xin xét xử vắng mặt nên xử vắng mặt chị T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm a khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn anh Huynh T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng hình thức ủy thác tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kì thực hiện nhưng anh Huynh T không có ý kiến và vắng mặt đến lần thứ hai nên xét xử vắng mặt anh Huynh T theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và điểm b khoản 1 Điều 238 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Lê Thị Bích T, xét thấy:

Chị Lê Thị Bích T và anh Huynh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn nên hôn nhân hợp pháp. Hiện chị T xác định, sau khi kết hôn, hai người chỉ liên lạc với nhau một thời gian ngắn rồi phát sinh mâu thuẫn. anh Huynh T không muốn liên lạc với chị nữa và cũng không làm thủ tục để bảo

lãnh chị qua Hoa Kì chung sống. Chị T đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành công.

Nay cả hai đã cắt đứt liên lạc với nhau, khả năng đoàn tụ không còn của Chị Lê Thị Bích T và anh Huynh T. Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và Quyết định đưa vụ án ra xét xử bằng hình thức ủy thác tư pháp đã được cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kì thực hiện nhưng anh Huynh T không có ý kiến chứng tỏ bỏ mặc, không mong muốn bảo vệ hôn nhân với chị T. Nay chị T xin ly hôn là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 nên được chấp nhận.

[4] Về con chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự khai không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Chị T phải chịu án phí LHST là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 37,464, 474, 476, khoản 5 Điều 477, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 122, 123, 127, 131 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/ 2016/UBTVQH 14 của Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: "Ly hôn" của Chị Lê Thị Bích T.

Chị Lê Thị Bích T được ly hôn anh Huynh T.

Về con chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Chị Lê Thị Bích T phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị Lê Thị Bích T đã nộp theo biên lai thu số 001328 ngày 05/4/2018 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai được tính trừ vào án phí Chị Lê Thị Bích T phải chịu. Chị Lê Thị Bích T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Chị Lê Thị Bích T được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ. Anh Huynh T được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- Cục Thi hành án tỉnh Đồng Nai;
- Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thành Dương

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân | Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Tất Đạt **Kiều Minh Sinh** **Phạm Thành Dương**